TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 29-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Ngọc B.
2. Ông Lý Quốc Tr.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Th – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Tr1 - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 93/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Lê T, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện M, tỉnh L.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện M, tỉnh L.

Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Lê T*:* Ông Ngô Lê T yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ N có nghĩa vụ trả số tiền 340.400.000 (ba trăm bốn mươi triệu bốn trăm ngàn) đồng. Yêu cầu tính lãi theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày 19/4/2023.

Ý kiến, đề nghị của bà Nguyễn Thị Mỹ N *:* Bà Nguyễn Thị Mỹ N đồng ý trả số tiền 340.400.000 đồng và đồng ý trả lãi theo số tiền 250.000.000 đồng từ ngày 19/4/2023. Bà N không đồng ý trả tiền lãi của số tiền là 90.400.000 đồng.

Về thời gian trả và cách thức trả, bà N đề nghị trả hai lần vào tháng 12/2023 và tháng 02/2024.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Ngô Lê T *cung cấp:* Giấy chứng minh nhân dân (bản photo), hộ khẩu (bản photo), hai biên nhận (bản chính).

Các tài liệu, chứng cứ do bà N *cung cấp:* Bản tự khai; biên nhận ngày 25/8/2022 (bản chính); ngày 02/9/2022 âm lịch (bản chính); bản ghi tính tiền (bản chính).

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản đối chất.

Các tình tiết của vụ án:

Ông T *trình bày:*

Vào ngày 19/4/2023, ông T có cho bà Nguyễn Thị Mỹ N vay hai lần tiền, lần một là 250.000.000 đồng, lần hai là 90.400.000 đồng, thời hạn trả là 10 ngày. Đến nay đã quá hạn mà bà N không trả nên ông T yêu cầu bà N trả gốc là 340.400.000 đồng. Yêu cầu tính lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 19/4/2023.

Bà N *trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Mỹ N thừa nhận có vay tiền ông T hai lần. Bà N đồng ý trả số tiền 340.400.000 đồng và đồng ý trả lãi theo số tiền 250.000.000 đồng từ ngày 19/4/2023. Bà N không đồng ý trả tiền lãi của số tiền là 90.400.000 đồng. Về thời gian trả và cách thức trả, bà N đề nghị trả hai lần vào tháng 12/2023 và tháng 02/2024.

Các đương sự xác nhận không còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Các đương sự đồng ý công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

Các đương sự không thống nhất về thời gian và cách thức trả.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật:

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ thụ lý đến trước khi xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ án xác định quan hệ tranh chấp phù hợp theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định tư cách của những người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68, 85 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục xét xử vụ án tại phiên tòa sơ thẩm.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 357 của Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Lê T. Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bà N có nghĩa vụ trả số tiền 340.400.000 đồng cho ông Ngô Lê T.

Bà N có nghĩa vụ trả lãi cho ông T theo lãi suất 10%/năm của số tiền 250.000.000 đồng, thời gian từ 29/4/2023 đến ngày 29/6/2023, thành tiền là 4.150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là "hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của ông T*:*

[2.1]. Xét hai Biên nhận ngày 19/4/2023 do ông Ngô Lê Trung l với bà Nguyễn Thị Mỹ N có nội dung bà N có mượn của ông T tổng cộng 340.400.000.000 đồng, thời hạn 10 ngày. Đến hạn trả nợ, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Ông Ngô Lê T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ N trả số tiền 340.400.000.000 đồng. Ông T đã cung cấp được biên nhận nợ có chữ ký của bà Nguyễn Thị Mỹ N để làm chứng cứ chứng minh. Bà Nguyễn Thị Mỹ N thừa nhận có nợ số tiền 340.400.000.000 đồng của ông T và đồng ý trả số tiền này cho ông T. Vì vậy, căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Mỹ N có nợ của ông Ngô Lê T số tiền 340.400.000.000 đồng và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là bà N có nghĩa vụ phải trả số tiền 340.400.000.000 đồng cho ông T.

[2.2]. Xét yêu cầu lãi:

Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Ngô Lê T thỏa thuận thời hạn 10 ngày sẽ trả nên thời hạn tính lãi bắt đầu khi bà N chậm trả. Lãi suất hai bên thỏa thuận phù hợp quy định tại Điều 468, 357 Bộ luật dân sự. Do đó, chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông T, ghi nhận thỏa thuận của các đương sự, bà N có nghĩa vụ phải trả số tiền lãi cho ông T như sau: 250.000.000 đồng x 02 tháng (từ 29/4/2023 đến ngày 29/6/2023) x 0,83%/tháng = 4.150.000 đồng.

[3]. Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4]. Về thời gian trả và cách thức trả: Ông T yêu cầu trả một lần; bà N xin trả nhiều lần. Do các đương sự không thỏa thuận được, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí:

[5.1]. Ông Ngô Lê T không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5.2]. Bà Nguyễn Thị Mỹ N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 5, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 357 của Bộ luật dân sự, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản của ông Ngô Lê T đối với bà Nguyễn Thị Mỹ N.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Bà N có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Lê T số tiền gốc là 340.400.000 (ba trăm bốn mươi triệu bốn trăm ngàn) đồng và số tiền lãi là 4.150.000 (bốn triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng, tổng cộng là 344.550.000 (ba trăm bốn mươi bốn triệu năm năm mươi ngàn) đồng.

2. Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, về án phí:

3.1. Ông Ngô Lê T không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông T số tiền 8.500.000 (tám triệu năm trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0010683 ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3.2. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Mỹ N do bà N là người cao tuổi.

4. Căn cứ vào các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh L;*
- *VKSND tỉnh L;*
- *VKSND huyện M;*
- *CC.THADS huyện M;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L1